

NHẬN THỨC VỀ LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ThS. LÊ THỊ QUỲNH ANGA

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Hàng năm, cứ vào thời điểm tuyển sinh, các em học sinh (HS) lớp 12 lại đứng trước sự lựa chọn hướng đi cho riêng mình sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT). Đây không chỉ là mối quan tâm, lo lắng của riêng các em mà còn là nỗi lo của các bậc phụ huynh, nhà trường và cả xã hội. Lúc này, nhu cầu lựa chọn học đại học hay cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hay học nghề, học ngành gì, nghề gì... là những câu hỏi lớn đòi hỏi HS phải suy nghĩ cẩn thận để đưa ra quyết định đúng đắn, vì đây là quyết định có tính chất hệ trọng đến cả cuộc đời mình, sự thành đạt, cống hiến, sự say mê và ý nghĩa cuộc đời gắn liền với quyết định ấy. Tuy nhiên, đối với HS THPT - tuổi đời ít ỏi, vốn sống lại hạn chế, thì việc đưa ra được một quyết định đúng đắn là vô cùng khó khăn. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2012, số lượng sinh viên tuyển mới đại học, cao đẳng chính quy tăng 6,5% so với năm 2011, nhưng cũng chỉ có 10% chỉ tiêu đào tạo theo địa chỉ và đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Điều này sẽ dẫn đến tình trạng mất cân đối trong nguồn nhân lực của đất nước trong thời gian tới nguyên nhân cơ bản là do nhận thức lựa chọn nghề nghiệp của các em còn hạn chế. Vì thế, chúng tôi đã thực hiện một cuộc khảo sát với 166 HS lớp 12 đại diện cho các trường THPT khu vực thành thị, nông thôn, đồng bằng và miền núi trên địa bàn các tỉnh Hà Nội, Thanh Hóa và Yên Bái để tìm hiểu thực trạng nhận thức của các em về việc lựa chọn nghề nghiệp (LCNN). Dưới đây là kết quả rút ra từ cuộc khảo sát trên.

2. Nhận thức của HS THPT về việc LCNN

2.1. Nhận thức về nghề

2.1.1. Nhận thức về ý nghĩa của việc LCNN đối với bản thân các em và xã hội

Qua trao đổi, hầu hết HS đều khẳng định rằng lựa chọn được một nghề nghiệp phù hợp với bản thân và nhu cầu xã hội là rất quan trọng, sẽ đem lại sự bảo đảm cho tương lai sau này của các em. Tuy nhiên, dù nhận thức được tầm quan trọng của việc chọn đúng nghề nghiệp tương lai, nhưng nhận thức về nghề nghiệp của các em lại rất hạn chế.

2.1.2. Nhận thức về nghề nghiệp

Để đo sự hiểu biết của HS về các nghề trong xã hội, chúng tôi đưa ra câu hỏi: "Hãy kể tên những nghề các em biết trong xã hội hiện nay?" Kết quả như sau:

Trong tổng số 166 HS được hỏi, các em đã đưa ra được 1.459 ý kiến, phân loại thành 130 ngành, nghề. Tính trung bình mỗi em biết được 8,79 ngành, nghề. Tuy nhiên, hiểu biết về các nghề trong xã hội

phân bố không đều, có em nêu ra được 16-17 ngành nghề, có em chỉ nêu được 5-6 ngành nghề, những em nêu được trên 10 ngành nghề không nhiều (chỉ có 19 em, chiếm 11,4%). Theo thống kê của Viện Khoa học Dạy nghề thì hiện nay chúng ta có khoảng 400 ngành nghề, như vậy số lượng ngành nghề mà các em được hỏi nắm được còn rất thấp, chỉ có 130/400 ngành nghề.

Những nghề các em nêu ra được nhiều nhất là giáo viên, bác sĩ, công an, bộ đội. Cụ thể, giáo viên có 152 ý kiến, bác sĩ có 127 ý kiến, công an có 113 ý kiến, bộ đội có 98 ý kiến. Thấp hơn một chút là luật sư với 72 ý kiến, công nghệ thông tin với 60 ý kiến, kinh doanh 42 ý kiến, báo chí 38 ý kiến, ca sĩ 29 ý kiến, diễn viên 23 ý kiến.

Sở dĩ những nghề như giáo viên, bác sĩ, công an, bộ đội được các em biết tới nhiều nhất vì đây là những nghề quen thuộc, tồn tại vĩnh cửu, là nhu cầu thiết yếu của xã hội. Còn những nghề khác do không được tiếp xúc trực tiếp nhiều nên không được nhiều em biết đến. Đây là một thực trạng cũng đáng lo ngại vì nếu như không biết được một cách rộng rãi thế giới nghề nghiệp sẽ khiến cho cơ hội LCNN của các em bị thu hẹp.

2.2. Nhận thức về nghề lựa chọn

2.2.1. Nhận thức về nhu cầu xã hội với nghề lựa chọn

Khi được hỏi, các em thích nghề gì trong tương lai, phần lớn ý kiến của các em tập trung vào các ngành nghề: giáo viên, luật, kinh tế, kế toán, bác sĩ, báo chí, tin học, công an, xây dựng, giao thông. Sự tập trung quá lớn vào một số ít các nhóm ngành nghề là một thực tế đáng lo ngại bởi lẽ thế giới nghề nghiệp vô cùng phong phú, sự lựa chọn quá nhiều vào những nhóm ngành này có thể gây nên sự mất cân đối trong cơ cấu lao động nước ta trong những năm tới, đồng thời cũng phản ánh các em không có hiểu biết rộng rãi về các ngành nghề trong xã hội khiến sự lựa chọn của các em bị thu hẹp.

Quyết định 121/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020 xác định: Điều chỉnh cơ cấu số lượng sinh viên được đào tạo theo các nhóm ngành nghề đến năm 2020 đạt tỉ lệ: Khoa học cơ bản 9%, Sư phạm 12%, Công nghệ - Kỹ thuật 35%, Nông - lâm - ngư 9%, Y tế 6%, Kinh tế - Luật 20% và các ngành nghề khác 9%. Điều này có nghĩa quy mô về kinh tế, luật và sư phạm sẽ giảm. Sự tập trung cao ở việc lựa chọn những nhóm nghề này phản ánh

các em chưa nắm rõ được phương hướng phát triển nguồn nhân lực trong những năm tới.

Thực trạng chung của nước ta hiện nay là sự thiếu hụt đội ngũ công nhân kỹ thuật có trình độ cao, nhưng số các em được hỏi lựa chọn con đường này không nhiều. Qua trò chuyện, chúng tôi nhận thấy hầu hết các em đều biết được sự thiếu hụt này, nhưng vào đại học là ước mơ của hầu hết các em, đi theo con đường này gần như là sự lựa chọn cuối cùng.

Việc HS định hướng lựa chọn quá nhiều vào một số nhóm ngành nghề như kết quả trên sẽ gây ra sự mất cân đối trong cơ cấu đào tạo của bậc đào tạo ngành nghề và tạo ra sự dư thừa lao động ở một số ngành nghề, trong khi các ngành khác xã hội rất cần lại thiếu. Với xu hướng chọn nghề như hiện nay, chúng ta có thể nhận thấy rằng, 5-10 năm nữa, khi thế hệ HS này hoàn thành việc học tập của mình, chúng ta sẽ có một cơ cấu ngành nghề khác hẳn với cơ cấu kinh tế và nhu cầu của xã hội.

2.2.2. Nhận thức về những yêu cầu của nghề đối với người chọn nghề và khả năng đáp ứng của bản thân

Để hiểu sâu sắc về nhận thức nghề nghiệp của HS, chúng tôi đề nghị các em cho biết ý kiến của mình về nhu cầu xã hội đối với nghề mình định chọn, yêu cầu của nghề, xu hướng phát triển của nghề, dư luận xã hội về nghề, khả năng đáp ứng của bản thân với yêu cầu của nghề đó. Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- Số lượng HS hiểu rõ nhu cầu của xã hội đối với nghề mình lựa chọn chiếm tỉ lệ quá thấp (18,29%), số còn lại là hiểu lơ mơ và không hiểu.

- Số lượng HS hiểu rõ dư luận của xã hội đối với nghề lựa chọn cũng chiếm tỉ lệ không cao (22,56%), số lượng HS hiểu lơ mơ và không hiểu chiếm tỉ lệ rất lớn (46,34 và 31,10%).

- Xu hướng phát triển nghề cũng được các em đánh giá như sau: Hiểu rõ (28,05%), hiểu lơ mơ (41,46%) và không hiểu (30,49%). Kết quả trên chỉ ra rằng sự hiểu biết về xu hướng phát triển nghề lựa chọn còn ở mức độ thấp. Điều này là một thực tế đáng lo ngại, vì để lựa chọn cho mình một nghề nghiệp phù hợp thì phải xác định được xu hướng phát triển của nghề đó để đi đến quyết định lựa chọn hay không lựa chọn.

- Nhận thức của HS về yêu cầu của nghề và khả năng đáp ứng của bản thân:

+ Số lượng HS hiểu rõ yêu cầu của nghề và khả năng đáp ứng của bản thân đối với nghề chiếm tỉ lệ thấp (20,12% và 15,85%). Đa số HS là hiểu lơ mơ và không hiểu (79,88% và 84,15%). Qua trò chuyện chúng tôi thấy hầu hết các em được hỏi có rất ít hiểu biết về những yêu cầu của nghề và tỏ ra không chắc chắn rằng mình có đáp ứng được những yêu cầu của nghề đó hay không.

2.3. Động cơ chọn nghề

Để xác định những tiêu chí lựa chọn nghề nghiệp của HS, chúng tôi đưa ra câu hỏi: "Lí do nào khiến bạn chọn nghề đó?" và kết quả trả lời cho thấy tiêu chí dễ

xin việc được nhiều em lựa chọn nhất (21,3%), thấp hơn một chút là nghề có thu nhập cao (19,5%), được xã hội đánh giá cao (12,8%) và có khả năng phát triển (11,6%). Điều đáng ngạc nhiên là tiêu chí phù hợp với bản thân không được nhiều HS lựa chọn (4,9%)

Tuy nhiên, có sự không cân đối giữa nhận thức về các tiêu chí và thực tế xã hội. Một nghề mà HS cho là "dễ xin việc" hay là "có thu nhập cao", "có khả năng phát triển", "dư luận xã hội đánh giá cao" chưa chắc đã đúng với thực tế xã hội. Tất cả phụ thuộc vào nguồn thông tin và mức độ nhận thức của chính bản thân HS. Những cuộc trao đổi của chúng tôi đã cho thấy sự lúng túng này của các em. Bản thân các em chưa hiểu được một nghề được cho là thời thượng nhưng rất nhiều em sau khi ra trường lại không xin được việc hoặc phải làm trái với ngành đào tạo.

Sự tập trung thấp vào tiêu chí phù hợp với bản thân khiến cho phần lớn các em chưa tin chắc vào sự lựa chọn của mình có thực hiện được hay không.

2.4. Các nhân tố tác động đến việc LCNN

Để tìm hiểu các cá nhân, tổ chức ảnh hưởng đến dự định chọn nghề của các em như thế nào, chúng tôi đưa ra câu hỏi: "Ai là người có ảnh hưởng nhiều nhất đến dự định chọn nghề của bạn?" Kết quả khảo sát cho thấy những tác động từ phía cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến dự định chọn nghề của các em (27,4% ý kiến). Đây là điều phản ánh đúng thực trạng hiện nay. Cha mẹ là người nắm rõ nhất những đặc điểm và khả năng của con mình. Điều này thuận lợi cho việc định hướng lựa chọn nghề nghiệp cho con cái. Nhưng thực tế không phải bậc cha mẹ nào cũng có thể nắm rõ nhu cầu của xã hội đối với các ngành nghề và yêu cầu của các ngành nghề đối với bản thân người lao động. Mặt khác rất nhiều bậc cha mẹ định hướng nghề nghiệp cho con không phải căn cứ vào năng lực thực tế của con cái mà theo sự đánh giá nhất thời chủ quan của họ đối với ngành nghề lựa chọn.

Tác động từ phía bạn bè đứng ở vị trí thứ 2 với 20,1% ý kiến, đối với HS THPT trong các quan hệ giao tiếp thì bạn bè vẫn giữ một vị trí quan trọng bậc nhất, do vậy các em ảnh hưởng lẫn nhau trong việc lựa chọn nghề nghiệp là một việc dễ hiểu. Thực tế này có thể dẫn đến hậu quả rất tai hại, bởi lẽ các em ở lứa tuổi này kinh nghiệm còn hạn chế, tự lựa chọn nghề nghiệp cho mình còn khó, vì thế không thể định hướng cho người khác.

Điều đáng lo ngại là tác động từ phía giáo viên đến dự định nghề nghiệp của HS chiếm tỉ lệ không cao (16,5% ý kiến), điều này cho thấy các thầy cô giáo chưa tiến hành tốt những hoạt động định hướng nghề nghiệp cho HS. Trong khi đó, giáo viên là người có điều kiện gần gũi, hiểu biết HS về mọi mặt, là nhân tố cơ bản gắn liền các tác động, giáo dục của xã hội với hệ thống giáo dục của nhà trường.

Các hoạt động định hướng nghề nghiệp trong nhà trường ảnh hưởng rất thấp đến dự định nghề

ngiệp của các em (4,3% ý kiến), trong khi nhà trường là cơ sở có điều kiện tiếp cận thông tin chính thống và có chức năng giáo dục, giúp HS hiểu rõ hơn về nghề nghiệp và xu hướng phát triển của nghề nghiệp lại có tác động không nhiều đến việc LCNN của các em. Điều này phản ánh mức độ không thường xuyên và hiệu quả rất thấp của những hoạt động này.

3. Kết luận

- Kết quả khảo sát cho thấy việc LCNN của các em rất cảm tính, mang nặng tính chủ quan, phiến diện, thiếu tính thực tiễn và chưa phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Nguyên nhân của thực trạng này là hệ quả tất yếu từ việc nhận thức của các em về nghề (bao gồm nhận thức về thế giới nghề nghiệp, nhận thức về nhu cầu xã hội với nghề lựa chọn, nhận thức về những yêu cầu của nghề đối với người chọn nghề và khả năng đáp ứng của bản thân) không cao; động cơ chọn nghề không khách quan; và các nhân tố có thể tác động tích cực đến việc LCNN của các em lại chưa phát huy được vai trò của mình.

- Hiện nay, giáo dục hướng nghiệp (GDHN) và dạy nghề đã được đưa vào chương trình giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, việc thực hiện còn rất hình thức, chưa hiệu quả vì nhiều lí do: nội dung công tác GDHN chưa được thực hiện đầy đủ, thiếu các điều kiện cần thiết cho hoạt động GDHN, đặc biệt là đội ngũ làm công tác hướng nghiệp chưa được chính thức hóa bằng việc đào tạo và có chế độ thù lao cụ thể. Vì vậy, để giúp HS biết cách chọn nghề phù hợp với hứng thú, năng lực của bản thân, đồng thời phù hợp với nhu cầu xã hội, tránh tình trạng mất cân đối trong cơ cấu nguồn nhân lực của nước ta, thì công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông cần phải được quan tâm hơn nữa. Chúng tôi hi vọng rằng kết quả nghiên

cứu trên đây sẽ góp phần cung cấp cơ sở lí luận và thực tiễn cho việc xây dựng chương trình hoạt động hướng nghiệp ở THPT nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hướng nghiệp cho HS ở Việt Nam trong thời gian tới, hướng tới phát triển và sử dụng nguồn nhân lực một cách tối ưu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Danh Ánh (2010), *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, 2010.
2. *Chương trình giáo dục phổ thông: Hoạt động giáo dục nghề phổ thông*, NXB Giáo dục, 2006 (Ban hành kèm quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
3. Phạm Minh Hạc (1988), *Chuẩn bị cho học sinh đi vào lao động sản xuất – một nhiệm vụ quan trọng của nhà trường phổ thông*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục số 1/1988, tr. 1-3.
4. Phan Tố Oanh (1994), *Nguyện vọng và nguyên nhân chọn nghề của học sinh trung học*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục số 3/1994, tr. 9.

SUMMARY

Vocational guidance to upper secondary students plays an important role in the process to minimize the unbalance of our human resource in the near future. However, the reality also reflects limitations, leading to the awareness limitation in job choices, causing the unbalance of training structure, not suitable with the economic structure and social need. The author presents survey results from the real situation of students' job choice awareness at high schools in Hanoi, Thanh Hoa, Yen Bai provinces and then proposes recommendation to vocational guidance.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP GÓP PHẦN RÈN LUYỆN... (Tiếp theo trang 12)

$$C_{14}^1 C_{16}^5 + C_{14}^2 C_{16}^4 + C_{14}^3 C_{16}^3 + C_{14}^4 C_{16}^2 + C_{14}^5 C_{16}^1 + C_{14}^6 = 585767$$

Tuy nhiên, như đã nêu ở trên: *Tính chất T là có ít nhất một HS nữ nên không có tính chất T là không có HS nữ nào hay tất cả đều là HS nam*. Do đó, bài toán lại có thể được giải như sau:

Lời giải 2: - Số cách chọn 6 HS bất kì trong lớp là C_{30}^6 .

- Số cách chọn 6 HS toàn nam là C_{16}^6 .
 - Suy ra số cách chọn 6 HS có ít nhất một HS nữ là: $C_{30}^6 - C_{16}^6 = 585767$.

Các biện pháp nêu trên đã được tiến hành thực nghiệm. Kết quả thực nghiệm cho thấy tính khả thi và hợp lí của các biện pháp đã được khẳng định. Thực

hiện các biện pháp đó sẽ góp phần rèn luyện có hiệu quả kĩ năng thực hiện các thao tác tư duy cho HS ở trường THPT trong việc dạy học Đại số và Giải tích, giúp nâng cao chất lượng học tập môn Toán ở trường THPT.

SUMMARY

One of main purposes in Maths teaching is to develop learners' thinking. A question to teachers is that 'How to implement this purpose well?'. The article presents several solutions to contribute to practice students' thinking manipulation in teaching Algebra and Calculus. According to these authors, Maths subject asks students to carry out thinking manipulation regularly such as analysis, synthesis, comparison, similarity, abstraction, generalization, specification...